

Số: /GP-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ các nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;*

*Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;*

*Xét Công văn số 2503/CV-LS ngày 25/03/2025 và Công văn số 0909-3/CV-LS ngày 09/09/2024 của Công ty TNHH Long Sơn về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông Long Sơn tại khu phố Trường Sơn, phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 131/TTr-SNNMT ngày 02/4/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Long Sơn (địa chỉ tại số 06, đường Voi Phục, phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông Long Sơn, phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

## **1. Thông tin chung của dự án**

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất cầu kiện bê tông Long Sơn.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2700271520 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 06/12/2022.

1.4. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp: 2700271520.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất cầu kiện bê tông.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích sử dụng đất 154.272,5 m<sup>2</sup>;

- Công suất của dự án: Cầu kiện bê tông đúc sẵn, công suất 125.000m<sup>3</sup> thành phẩm/năm và 15.000m<sup>3</sup> bê tông thương phẩm/năm.

- Công nghệ sản xuất:

+ Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn: Nhập nguyên liệu (đá mịn, cát, xi măng, thép, ...) → Cấp nguyên liệu → Cân định lượng + Gia công khung thép → Nạp bê tông → Máy quay ly tâm → Dưỡng hộ → Kiểm tra, xuất hàng.

+ Sản xuất bê tông thương phẩm: Bãi chứa cát, đá → Phễu nạp liệu → Định lượng → Thùng trộn trục đôi → Bê tông tươi thương phẩm → Kiểm tra độ sụt → Xe bồn.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm các yêu cầu về bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Long Sơn**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Long Sơn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 15 tháng 4 năm 2025 đến ngày 15 tháng 4 năm 2035).

**Điều 4.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND thị xã Bim Sơn tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c)
- Sở NN&MT (để theo dõi);
- UBND thị xã Bim Sơn (để theo dõi);
- UBND phường Đông Sơn (để theo dõi);
- Công ty TNHH Long Sơn (để thực hiện);
- Lưu: VT, NNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đức Giang**

**PHỤ LỤC 01**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2025  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải**

*1.1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt*

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước thải từ bể tự hoại, nước rửa tay chân,...) từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên Nhà máy với lưu lượng 12,15 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Toàn bộ nước thải được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15m<sup>3</sup>/ngày.đêm, nước thải sau xử lý được thải ra mương thoát nước chung phía Đông Nam của Dự án.

*1.2. Nguồn phát sinh nước thải công nghiệp*

- Nguồn số 2: Nước thải rò rỉ phát sinh từ quá trình sản xuất cấu kiện bê tông với lưu lượng 1,47m<sup>3</sup>/ngày. Được thu gom về bể lắng và được tận dụng làm nước rửa xe, thiết bị, vệ sinh nhà xưởng không thải ra môi trường.

- Nguồn số 3: Nước thải phát sinh từ quá trình dưỡng hộ cấu kiện bê tông với lưu lượng 0,06m<sup>3</sup>/ngày. Được thu gom về bể lắng và được tận dụng làm nước rửa xe, thiết bị, vệ sinh nhà xưởng không thải ra môi trường.

- Nguồn số 4: Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh các thiết bị, rửa xe ... với lưu lượng 2m<sup>3</sup>/ngày. Được thu gom về bể lắng và được tận dụng làm nước rửa xe, thiết bị, vệ sinh nhà xưởng không thải ra môi trường.

- Nguồn số 5: Nước thải phát sinh từ vệ sinh nhà xưởng sản xuất (định kỳ 1 tuần/1 lần) với lưu lượng 2m<sup>3</sup>/ngày. Được thu gom về bể lắng và được tận dụng làm nước rửa xe, thiết bị, vệ sinh nhà xưởng không thải ra môi trường .

Như vậy, tổng khối lượng nước phát sinh cho toàn bộ nhà máy ngày lớn nhất là 19,68 m<sup>3</sup>/ngày.

**2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

Dự án có 01 dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, cụ thể: Nước thải từ nguồn thải số 1 sau khi xử lý sơ bộ dẫn về hệ thống xử lý tập trung, nước sau xử lý thải ra mương thoát nước chung phía Đông Nam của dự án.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước hiện có phía Đông Nam của khu vực dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của Nhà máy được thải ra mương thoát nước hiện có phía Đông Nam của khu vực dự án.

- Toạ độ vị trí xả nước thải: Toạ độ điểm xả thải: X = 2221974,328m; Y = 595079,635 m; (theo toạ độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải được lắp đặt biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 15 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (1,875m<sup>3</sup>/giờ).

2.3.1. Phương thức xả thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

- Từ thời điểm cấp giấy phép môi trường đến hết ngày 31/12/2031, nước thải phải đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số K = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	<b>5,5-9</b>	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động liên tục
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	<b>60</b>		
3	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	<b>120</b>		
4	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	<b>4,8</b>		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	<b>12</b>		
6	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	<b>24</b>		
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	<b>12</b>		
8	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	<b>5.000</b>		

- Kể từ ngày 01/01/2032, nước thải phải đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2025/BTNMT, cột C), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	<b>5 - 9</b>	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	<b>≤40</b>		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
3	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	≤100	tượng phải quan trắc nước thải định kỳ	phải quan trắc nước thải tự động liên tục
4	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	≤0,5		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤10		
6	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	≤20		
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	≤10		
8	Tổng Coliforms	MPN/ 100 ml	≤5.000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về công trình xử lý nước thải:

- Đối với nguồn số 1: Nước thải vệ sinh → Đường ống PVC ø110 → 01 bể tự hoại 03 ngăn; Nước thải rửa tay chân → Song chắn rác → 01 hố lắng. Toàn bộ nước thải sau bể tự hoại, hố lắng → Đường ống PVC D250 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Đối với nguồn số 2, 3, 4, và 5: Thu gom về bể lắng dung tích 2m<sup>3</sup> và được tái tuần hoàn sử dụng để rửa xe, rửa thiết bị hàng ngày và vệ sinh nhà xưởng theo định kỳ 1 tuần/1 lần (bể có thành, đáy bê tông đảm bảo chống thấm, chống rò rỉ nước thải, không xả thải ra ngoài môi trường).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ → Bể thu gom nước thải → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aeroton → Bể lắng → Bể khử trùng → Thoát ra mương thoát nước hiện có phía Đông Nam khu vực dự án.

- Máy móc, thiết bị: Chủ yếu là các máy bơm chìm, bơm ly tâm chuyên dụng, máy khuấy trộn, máy thổi khí, hệ thống phân phối khí và bơm định lượng.

- Công suất thiết kế: 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Clorine dạng viên nén TCCA (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Thu gom lưu chứa nước trong bể điều hòa khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung (đảm bảo thời gian lưu chứa nước thải tối thiểu 01 ngày). Bên cạnh đó bố trí thêm máy móc, thiết bị dự phòng khi xảy ra sự cố thiết bị có thể khắc phục ngay. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục sẽ tạm dừng hoạt động xả thải để thực hiện công tác khắc phục đảm bảo quy chuẩn cho phép.

1.4.2. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

1.4.3. Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại khoản 13, Điều 1, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường). Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 15m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải đầu vào Hệ thống xử lý nước thải nước thải tập trung và đầu ra tại mương thoát nước chung phía Đông Nam dự án (điểm tiếp nhận nước thải).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.3.3. Phần A Phụ lục này).

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thực hiện theo quy định tại điểm c, khoản 8, Điều 1, Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chủ đầu tư dự kiến sẽ phối hợp với các đơn vị đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc khí thải để phối hợp thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Công ty TNHH Long Sơn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu của giấy phép ra môi trường./.



**PHỤ LỤC 02**  
**YÊU CẦU VỀ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI**  
*(kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2025*  
*của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực sản xuất cấu kiện bê tông.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên nhiên liệu cho sản xuất, sản phẩm và phương tiện ra vào nhà máy.
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ bốc xúc, nạp liệu vào trạm trộn bê tông thương phẩm.
- Nguồn số 04: Mùi, khí thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 05: Bụi, khí thải phát sinh từ ống khói của cụm nồi hơi.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Đối với nguồn từ số 01 đến số 04, thoát tự nhiên trong khuôn viên nhà máy.
- Đối với nguồn số 05, được thu gom vào hệ thống xử lý bụi, khí thải, sau đó qua ống thoát khí cao 15m thải ra môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2221085m; Y=595022m (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiếu 3°).

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 30.000 m<sup>3</sup>/giờ (nguồn số 05).**

- Nguồn số 01, 02, 03, 04: Lưu lượng không xác định.
- Nguồn số 05: Lưu lượng xả thải lớn nhất 30.000 m<sup>3</sup>/giờ (theo công suất quạt).

**2.3. Phương thức xả thải: Xả gián đoạn (chỉ xả khi có các hoạt động sản xuất).**

**2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.**

- Nguồn từ số 01 đến số 04: Đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Nguồn số 05: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

+ Từ thời điểm cấp giấy phép môi trường đến hết ngày 31/12/2031, khí thải phải đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19: 2009/BTNMT với hệ số kp = 0,9, hệ số kv = 1:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, kp=0,9 kv=1)	Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	<b>180</b>	Không phải thực hiện quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động liên tục
2	Cacbon oxit (CO)	mg/Nm <sup>3</sup>	<b>900</b>		
3	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	<b>450</b>		
4	Nito oxit (NO <sub>x</sub> tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	<b>765</b>		

- Kể từ ngày 01/01/2032, khí thải của cơ sở phải đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2024/BTNMT, cột C:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2024/BTNMT (Cột C)	Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	<b>≤50</b>	Không phải thực hiện quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động liên tục
2	Cacbon oxit (CO)	mg/Nm <sup>3</sup>	<b>≤350</b>		
3	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	<b>≤250</b>		
4	Nito oxit (NO <sub>x</sub> tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	<b>≤300</b>		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Nguồn số 05: Bụi, khí thải được thu gom qua các đường ống dẫn về bể hấp thụ bằng dung dịch kiềm, khí thải sau xử lý thoát qua ống thoát khí ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Nguồn số 05: Bụi, khí thải → Quạt hút → Ống ventury → Bể hấp thụ (bằng dung dịch kiềm) → Ống khói → Môi trường không khí. Trong đó, lưu lượng khí quạt hút lò hơi là 30.000m<sup>3</sup>/giờ; ống khói có đường kính D600; chiều cao 15m.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: dung dịch kiềm (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý khí thải của nhà máy, nếu có dấu hiệu hỏng hóc thì tiến hành sửa chữa, thay thế đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

- Định kỳ duy tu, bảo dưỡng thiết bị của hệ thống thu gom, xử lý khí thải đúng theo yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất; đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải (quy định tại điểm 2, khoản 13, Điều 1, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường). Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải nguồn số 05.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Thân ống khói của hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.4. Phần A Phụ lục này).

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện theo quy định tại điểm c, khoản 8, Điều 1, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chủ đầu tư dự kiến sẽ phối hợp với các đơn vị đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc khí thải để phối hợp thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Xả khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho phép của chất thải ô nhiễm tại Mục 2.4 phần A của Phụ lục này.

3.2. Bố trí đầy đủ sàn thao tác, lỗ thu mẫu để quan trắc, lấy mẫu môi trường định kỳ, đột xuất hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

3.3. Công ty TNHH Long Sơn chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

**PHỤ LỤC 03**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2025*  
*của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực đặt máy phát điện.
- Nguồn số 03: Từ các hoạt động sản xuất bê tông cấu kiện.
- Nguồn số 04: Từ các hoạt động sản xuất bê tông thương phẩm.
- Nguồn số 05: Từ hoạt động giao thông vận tải ra vào dự án.
- Nguồn số 06: Từ hoạt động của cụm nồi hơi.

**2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**2.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
2	70	55	-	Khu vực thông thường

**2.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ hệ thống thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý khí thải, máy phát điện. Đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đặt đệm cao su cho các động cơ để giảm thiểu chấn động trong quá trình vận hành. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

**PHỤ LỤC 04**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2025*  
*của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Khối lượng phát sinh (kg/năm)</b>	<b>Mã CTNH</b>
1	Hộp mực in thải	5	08 02 04
2	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	15	16 01 06
3	Ăc quy chì thải	20	19 06 01
4	Giẻ lau, vải bảo vệ chất thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	10	18 02 01
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất thải nguy hại khi thải ra là CTNH) thải	25	18 01 02
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	20	18 01 01
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải	25	18 01 03
<b>Tổng (kg)</b>		<b>120</b>	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>
1	Khối lượng đá, cát rơi vãi phát sinh trong quá trình sản xuất	993.525
2	Bê tông chết, bê tông dự thừa	1.500.000
3	Bùn thải từ quá trình nạo vét bể dưỡng hộ cấu kiện bê tông	384
4	Bùn cặn từ bể lắng nước thải rửa xe, thiết bị, vệ sinh nhà xưởng	4.608
5	Bùn cặn từ công trình xử lý nước thải	1.630

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt:

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Khối lượng (tấn/năm)</b>
1	Chất thải rắn sinh hoạt	40,5

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 50 - 200 lít.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà: Bên trong khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt tạm thời (gần vị trí hệ thống XLNT tập trung của dự án).

- Diện tích khu vực lưu chứa: 38 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Đặt bên cạnh khu xử lý nước thải, nền bê tông xi măng, có tường làm vách ngăn chia khu vực lưu chứa CTNH và khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Đối với nguyên vật liệu rơi vãi, bê tông chết, bùn cặn từ quá trình dưỡng hộ cấu kiện, bùn cặn từ bể lắng xử lý nước rửa thiết bị, rửa xe, vệ sinh nhà xưởng, nước rỉ từ quá trình sản xuất bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông: Thu gom tập kết về bãi chứa tạm diện tích khoảng 100m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Nền đất đầm chặt lán bê tông xi măng, xây gờ dài 25m, cao 30 cm xung quanh khu vực bãi chứa tạm.

- Toàn bộ lượng chất thải này được Công ty tận dụng làm nguyên liệu sản xuất xi măng.

- Đối với bùn cặn phát sinh từ các bể tự hoại, hệ thống xử lý tập trung: tần suất nạo hút 01 năm/lần. Hợp đồng với đơn vị có chứa năng thực hiện nạo hút và đưa đi xử lý đúng quy định.

- Đối với bùn cặn phát sinh từ các hệ thống thu gom, hồ ga: tần suất nạo hút 06 tháng/lần. Hợp đồng với đơn vị có chứa năng thực hiện nạo hút và đưa đi xử lý đúng quy định.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy 15 lít (hàng ngày chất thải rắn sinh hoạt phát sinh sẽ được công nhân vệ sinh thu gom 1 lần/ngày về điểm tập kết).

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Bên trong khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt tạm thời (gần vị trí hệ thống XLNT tập trung của Nhà máy).

- Diện tích khu vực lưu chứa: 10 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Đặt gần khu vực xử lý nước thải, nền bê tông xi măng, có tường làm vách ngăn chia khu vực lưu chứa CTNH và khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt. Bên trong khu lưu giữ có đặt các thùng composite chuyên dụng 120 lít, 240 lít, xe rác 0,5 m<sup>3</sup> để lưu giữ rác thải, không để rác thải xuống nền sàn.

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường./.



**PHỤ LỤC 05****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2025  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG****1. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn**

- Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết để có kế hoạch thi công hợp lý nhằm đảm bảo tiến độ thi công cho dự án. Ví dụ như: trời mưa có thể thi công bên trong công trình như trát, lát gạch, ốp tường....

- Trong thi công móng công trình nếu gặp trời mưa sẽ gây ngập úng, cản trở quá trình thi công. Do đó, đơn vị thi công sẽ trang bị 02 máy bơm nước có công suất 1,5m<sup>3</sup>/h để bơm nước hồ móng công trình.

- Ưu tiên xây dựng hệ thống thoát nước mưa trước theo đúng thiết kế của dự án để sử dụng cho giai đoạn thi công và giai đoạn vận hành dự án.

- Khu vực công trường thi công được quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày làm việc hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước.

- Chất thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng rác để tránh bị nước mưa cuốn trôi theo vào nguồn nước.

- Thực hiện nạo vét thường xuyên các mương rãnh thoát nước, đặt các vách chắn bùn trên tuyến thoát nước.

**2. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt**

- Đối với nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân với lưu lượng 1,15 m<sup>3</sup>/ngày: được thu gom và dẫn về hố lắng có thể tích 4 m<sup>3</sup> (kích thước 2,0m×2m×1,0 m) chia làm 2 ngăn, thời gian lắng 4h, được xây dựng bằng cách đào hố sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành để chống thấm) để xử lý cùng với nước thải từ hoạt động rửa xe, rửa thiết bị. Nước thải sau lắng sẽ được tận dụng tái tuần hoàn việc rửa xe, thiết bị thi công và chống bụi khu vực công trường.

- Đối với nước thải vệ sinh có lưu lượng là 1,15m<sup>3</sup>/ngày được thu gom bằng 03 nhà vệ sinh di động, kích thước phủ bì: (Cx R×S) cm = (260×90×135)cm; Kích thước lọt lòng mỗi buồng: (Cx R×S) cm = (200×85×100) cm; Dung tích: bồn nước là 400 lít và bồn phân là 1.200 lít. Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 03 ngày/lần) bằng xe chuyên dụng.

### **3. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải xây dựng**

Đối với nước thải vệ sinh thiết bị, rửa xe có lưu lượng là 6,84 m<sup>3</sup>/ngày, được thu gom về hồ lắng dung tích 4m<sup>3</sup> (kích thước 2,0m×2m×1,0 m) chia làm 2 ngăn, thời gian lắng 4h, được xây dựng bằng cách đào hồ sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành để chống thấm) để xử lý cùng với nước thải từ hoạt động rửa chân tay của công nhân. Nước thải sau lắng sẽ được tận dụng tái tuần hoàn việc rửa xe, thiết bị thi công và chống bụi khu vực công trường.

### **4. Các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải**

- Phun ẩm tường các công trình phá dỡ và thực hiện tưới ẩm chống bụi trong suốt quá trình phá dỡ. Thực hiện phá dỡ, bốc xúc vận chuyển đổ thải chất thải từ phá dỡ nhanh gọn, cuốn chiếu theo từng công trình phá dỡ để giảm bụi bốc bay và hạn chế phạm vi tác động.

- Phun nước làm ẩm trên tuyến đường ra vào khu vực dự án, nguồn nước tưới giảm thiểu bụi đường được lấy từ nguồn nước sạch khu vực.

- Bố trí trạm rửa xe để phun nước giảm bụi, tránh bụi đất đá cuốn theo bánh xe làm ảnh hưởng đến tuyến đường bê tông dẫn vào dự án.

- Xây dựng hàng rào tạm bằng tôn cao 2 m, chiều dài 600m bao quanh khu vực thi công để giảm thiểu bụi và tiếng ồn phát sinh ảnh hưởng đến khu dân cư xung quanh.

- Các phương tiện xe, máy thi công kiểm chuẩn và đăng kiểm phù hợp về các thông số vận hành và môi trường nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị có hiệu suất làm việc cao và vận hành hiệu quả.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Trong quá trình thi công tránh thi công đồng loạt máy móc, thông báo thời gian thi công cụ thể để người dân biết.

- Lắp đặt lưới chắn bụi xung quanh các công trình trong quá trình xây dựng; Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, gang tay, kính...theo quy định).

### **5. Biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường**

#### *5.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt:*

CTRSH của công nhân làm việc trên công trường và lưu trú tại lán trại: bố trí 5 thùng chứa rác chuyên dụng, dung tích 100 lít, có nắp đậy (tại khu vực lán trại bố trí 02 thùng chứa rác); 03 thùng chứa di động tại các khu vực thi công. Cuối ngày bố trí nhân viên vệ sinh đưa rác ra khu vực tập kết rác thải sinh hoạt của phường Đông Sơn để đơn vị thu gom rác phường thu gom đưa đi xử lý.

### 5.2. Đối với chất thải trong quá trình thi công xây dựng:

- Sinh khối thực vật phát quang có khối lượng khoảng 115,725 tấn, sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định.

- Các phế liệu là chất trơ, không gây độc hại như gạch vỡ, đất, cát, đá dư thừa, rơi vãi... có tổng khối lượng khoảng: 33,38 tấn trong toàn bộ thời gian thi công; được thu gom sau mỗi ca làm việc. Lượng chất thải rắn này được tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng.

- Các loại gỗ, sắt, thép, bìa các tông, bao bì xi măng 8,2 tấn phát sinh trong quá trình xây dựng được thu gom với tần suất 01 lần/ngày để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Bố trí khu tập kết chất thải có diện tích 60m<sup>2</sup> được bố trí ngay gần kho chứa VLXD. Nền được đổ bê tông, có tấm tôn quây xung quanh và bên trên lợp mái. Bố trí 02 thùng ben có dung tích 5 m<sup>3</sup>/thùng để chứa phế thải xây dựng.

- Bùn từ nạo vét rãnh thoát nước, hố ga, hố lắng tạm: chủ yếu là đất, cát lắng cặn là CTR thông thường. Bùn cặn được lưu trong hố lắng cách xa nguồn nước, định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút bùn và chuyển giao, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Lượng chất thải phát sinh khác không thuộc những nhóm phân loại trên được thu gom và lưu trữ tạm thời, định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định. Tần suất thu gom 2 – 3 lần/tháng.

- Đối với khối lượng đất đào trong quá trình san nền: Khối lượng đất đào trong quá trình san nền khoảng 1.607.362,82m<sup>3</sup> được tận thu để làm nguyên liệu sản xuất xi măng của Nhà máy xi măng Long Sơn. Được vận chuyển về bãi chứa tạm tại dây chuyền số 1, 2, 3 và 4 của Nhà máy xi măng Long Sơn bằng ô tô loại 25 tấn theo tuyến đường nội bộ trong khuôn viên Nhà máy xi măng Long Sơn và Dự án. Cự ly vận chuyển khoảng 500m. Thời gian vận chuyển thực hiện trong 1 năm.

### 6. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Các loại chất thải nguy hại được thu gom và lưu trữ trong thùng chứa chất thải 50 lít có nắp đậy kín, được quây kín, có mái che, nền cao tránh nước mưa, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

### 7. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt,... Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì chúng sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công.

- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án.

- Các phương tiện vận chuyển hạn chế dừng còi trong khu đông người.

- Các xe vận chuyển nguyên liệu cho dự án không vận chuyển quá tải tránh ảnh hưởng đến tuyến đường; Che chắn xung quanh khu vực công trường.

- Trong giai đoạn thi công cần đặc biệt chú ý đến các biện pháp giảm thiểu tác động từ hoạt động đào đất, bốc xúc và tận thu đất đào, cụ thể:

+ Đào đất đến đâu, bốc xúc và vận chuyển đến đó, không để tồn đọng tại công trường.

+ Bố trí thời gian đào đất, san gạt bốc xúc hợp lý, không thực hiện vào các ngày mưa bão để giảm lượng chất thải vào môi trường.

+ Xây dựng phương án thực hiện đào đất, bốc xúc và vận chuyển cụ thể hạn chế các tác động xấu đến môi trường xung quanh khu vực dự án.

+ Tại những vị trí có cao độ lớn có nguy cơ gây sạt lở đất dự án đều xây dựng các taluy bê tông cốt thép để ngăn ngừa sạt lở. Tuy nhiên để ngăn ngừa và giảm thiểu thiệt hại nếu xảy ra hiện tượng sạt lở đất cần thực hiện một số biện pháp sau:

➤ Thường xuyên theo dõi, kiểm tra các điểm xung yếu có nguy cơ gây sạt lở đất đặc biệt vào mùa mưa hoặc đợt mưa kéo dài.

➤ Khi phát hiện taluy xảy ra sự cố như lún nứt cần khoan vùng cấm biển để cảnh báo.

➤ Khẩn trương khắc phục các điểm sụt lún sạt lở.

➤ Tạo khoảng cách an toàn với taluy, không bố trí các công trình sản xuất, tập kết trang thiết bị tại chân taluy, các điểm xung yếu có nguy cơ cao gây sạt lở, sụt lún.

➤ Trước khi tiến hành thi công xây dựng cần thực hiện công tác khảo sát địa chất cụ thể đối với từng hạng mục để có biện pháp xây dựng phù hợp đảm bảo phòng ngừa các sự cố do sụt lún, sạt lở gây ra.

+ Tuân thủ các quy định hiện hành về việc khai thác tận thu lượng đất đào để làm vật liệu sản xuất xi măng.

+ Tuân thủ các quy định về báo cáo và thanh toán thuế theo quy định của pháp luật hiện hành về việc tận thu đất đào từ hoạt động san nền thi công dự án.

#### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện có liên quan môi trường sau:

1. Chỉ được phép triển khai xây dựng Dự án khi thỏa mãn các điều kiện sau đây: Được cơ quan quản lý nhà nước cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cấm mốc, giao đất, đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; Việc khai thác tận thu đất đào trong quá trình san nền vận chuyển về dây chuyền số 1, 2, 3 và 4 làm nguyên liệu sản xuất xi măng của Nhà máy xi

mãng Long Sơn phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép; Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng và vận hành Dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn y tế thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/03/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa Ban hành quy định chi tiết quản lý CTRSH của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 24:2016/BYT về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các

văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.